CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 112/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Trọng tài thương mại ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến như sau:

a) Khai mẫu đơn, tờ khai trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn; ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu. Việc yêu cầu ký số được công khai trước khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ điện tử. Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ;

b) Đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ hoặc dẫn nguồn tài liệu từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm trọng tài đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm 01 bộ:

a) Đơn đăng ký hoạt động;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Điều lệ Trung tâm trọng tài.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định lập Chi nhánh, Trung tâm trọng tài gửi hồ sơ đăng ký hoạt động của Chi nhánh qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm 01 bộ:

a) Đơn đăng ký hoạt động;

b) Bản chính hoặc bản sao điện tử Quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 11 như sau:

“3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép có hiệu lực, Trung tâm trọng tài gửi đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tư pháp quyết định thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.

4. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thay đổi, Trung tâm trọng tài thực hiện thủ tục thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi cho Trung tâm trọng tài, Sở Tư pháp gửi thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp.

Trường hợp thay đổi địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì Trung tâm trọng tài gửi thông báo chuyển địa điểm trụ sở cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở và gửi giấy đề nghị đăng ký hoạt động kèm theo bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Trung tâm đặt trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở mới cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm; gửi thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở cũ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Trung tâm bị từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ thời điểm Trung tâm được Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở mới cấp Giấy đăng ký hoạt động thì Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm do Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở cũ cấp không còn giá trị pháp lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở mới, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở cũ ra quyết định hủy Giấy đăng ký hoạt động đã cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

5. Trường hợp thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày quyết định thay đổi, Chi nhánh thực hiện thủ tục thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì Chi nhánh gửi thông báo chuyển địa điểm trụ sở cho Sở Tư pháp nơi

đặt trụ sở và gửi giấy đề nghị đăng ký hoạt động kèm theo bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh; gửi thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở cũ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Chi nhánh bị từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ thời điểm Chi nhánh được Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới cấp Giấy đăng ký hoạt động thì Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh do Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở cũ cấp không còn giá trị pháp lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh trụ sở cũ ra quyết định hủy Giấy đăng ký hoạt động đã cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài gửi đơn đăng ký hoạt động của Chi nhánh qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 23 như sau:

“2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài thì Chi nhánh gửi đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Chi nhánh đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Sở Tư pháp quyết định thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh.

3. Trường hợp thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày quyết định thay đổi, Chi nhánh phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền nơi cấp Giấy phép thành lập và gửi đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong trường hợp thay đổi địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài gửi thông báo qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở và gửi giấy đề nghị đăng ký hoạt động kèm theo bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh; gửi thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở cũ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Chi nhánh bị từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ thời điểm Chi nhánh được Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới cấp Giấy đăng ký hoạt động thì Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh do Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở cũ cấp không còn giá trị pháp lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở cũ ra quyết định hủy Giấy đăng ký hoạt động đã cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.”.

7. Bãi bỏ khoản 2 Điều 22.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

“**Điều 6a. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử**

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến như sau:

a) Khai mẫu đơn, tờ khai trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn; ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu. Việc yêu cầu ký số được công khai trước khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ điện tử. Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ;

b) Đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ hoặc dẫn nguồn tài liệu từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Người đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc gửi hồ sơ đề nghị qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó thường trú hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ đề nghị đăng ký gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc.

Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam,

trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“**Điều 21. Thủ tục thành lập Trung tâm hòa giải thương mại**

1. Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này muốn thành lập Trung tâm hòa giải thương mại gửi hồ sơ đề nghị thành lập qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ đề nghị thành lập gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị thành lập Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành kèm danh sách sáng lập viên;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy tờ chứng minh sáng lập viên đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này;

c) Dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm.

Nội dung của Quy tắc hòa giải của Trung tâm không được trái quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp Giấy phép thành lập cho Trung tâm hòa giải thương mại. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp Giấy phép thành lập cho Trung tâm hòa giải thương mại. Người đề nghị thành lập Trung tâm hòa giải thương mại nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực, Trung tâm gửi giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp

đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hết thời hạn này, nếu Trung tâm hòa giải thương mại không đăng ký hoạt động thì Giấy phép thành lập không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trọng tài thương mại muốn thực hiện hoạt động hòa giải thương mại thì gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị bổ sung hoạt động hòa giải thương mại theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài. Người đề nghị bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Trung tâm trọng tài thực hiện đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:

“3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định lập chi nhánh, Trung tâm hòa giải thương mại gửi hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định thành lập chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh. Sở Tư pháp gửi bản sao Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh cho Bộ Tư pháp.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của Trung tâm hoà giải thương mại

1. Trường hợp thay đổi về tên gọi, Trung tâm hòa giải thương mại gửi Giấy đề nghị thay đổi theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi. Người đề nghị thay đổi tên gọi của Trung tâm hoà giải thương mại nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thay đổi tên gọi có hiệu lực, Trung tâm hòa giải thương mại gửi Giấy đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Trung tâm đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của Trung tâm, Sở Tư pháp quyết định thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Trung tâm hòa giải thương mại gửi thông báo chuyển địa điểm trụ sở cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở và gửi giấy đề nghị thành lập kèm theo bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Trung tâm đặt trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở mới cấp Giấy phép thành lập cho Trung tâm. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở mới cấp Giấy phép thành lập cho Trung tâm. Người đề nghị thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hoà giải thương mại nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Trung tâm bị từ chối cấp Giấy phép thành lập có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ thời điểm Trung tâm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở mới cấp Giấy phép thành lập thì Giấy phép thành lập đã được cấp trước đây của Trung tâm không còn giá trị pháp lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo cấp Giấy phép thành lập cho Trung tâm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở mới, Sở Tư pháp nơi Trung tâm đặt trụ sở cũ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở cũ ra quyết định hủy Giấy phép thành lập đã cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sở Tư pháp nơi Trung tâm đặt trụ sở cũ ra quyết định hủy Giấy đăng ký hoạt động đã cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp. Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

3. Trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trung tâm thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Cấp lại Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại

1. Trường hợp Giấy phép thành lập bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Trung tâm hòa giải thương mại gửi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành

phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để được cấp lại.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp lại Giấy phép thành lập cho Trung tâm hòa giải thương mại.

2. Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Trung tâm, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại gửi đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm, chi nhánh đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để được cấp lại.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 30 như sau:

“2. Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện Trung tâm hòa giải thương mại thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập thì thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động. Sở Tư pháp tiến hành xem xét, xác minh. Trường hợp phát hiện Trung tâm hòa giải thương mại thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập theo khoản 1 Điều này thì Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở thu hồi Giấy phép thành lập, trong đó nêu rõ lý do kèm theo các giấy tờ chứng minh (nếu có).

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở có hiệu lực, Sở Tư pháp nơi cấp Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và khoản 4 như sau:

"2. Trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì chậm nhất 30 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động, Trung tâm hòa giải thương mại gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động, Trung tâm hòa giải thương mại thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục nêu tại khoản 2 Điều này, Trung tâm hòa giải thương mại gửi báo cáo qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Trung tâm đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Trung tâm hòa giải thương mại, Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thu hồi Giấy phép thành lập. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hiệu lực, Sở Tư pháp quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.

4. Trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực, Trung tâm thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

"c) Trung tâm trọng tài không tiến hành bất kỳ hoạt động hòa giải thương mại nào trong vòng 05 năm, kể từ ngày quyết định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hiệu lực;".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Trường hợp Trung tâm trọng tài chấm dứt việc thực hiện hoạt động hòa giải thương mại theo quy định tại điểm c và d khoản 5 Điều này, Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương văn bản thu hồi quyết định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại của Trung tâm trọng tài. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày văn bản thu hồi quyết định bổ sung hoạt động hòa giải

thương mại có hiệu lực, Trung tâm trọng tài thực hiện việc thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động. Trình tự, thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động thực hiện theo pháp luật về trọng tài thương mại. Việc thanh toán các nghĩa vụ của Trung tâm được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam

1. Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài muốn thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

c) Bản chính hoặc bản sao điện tử bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài;

d) Bản chính hoặc bản sao điện tử Quyết định cử hòa giải viên thương mại làm Trưởng chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện.

2. Các giấy tờ kèm theo Giấy đề nghị thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem

xét, cấp Giấy phép thành lập cho chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp Giấy phép thành lập cho chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài. Người đề nghị thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

“1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập có hiệu lực, chi nhánh gửi Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hết thời hạn này, nếu chi nhánh không đăng ký hoạt động thì Giấy phép thành lập không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“**Điều 38. Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở của Chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam**

1. Trường hợp thay đổi về tên gọi, Trưởng chi nhánh, Chi nhánh của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam gửi đề nghị thay đổi theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thay đổi tên gọi có hiệu lực, Chi nhánh gửi đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong thời hạn 05 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Chi nhánh, Sở Tư pháp quyết định thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam thông báo chuyển địa điểm trụ sở cho Sở Tư pháp nơi Chi nhánh đặt trụ sở và gửi giấy đề nghị thành lập kèm theo bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới cấp Giấy phép thành lập cho Chi nhánh; gửi thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở cũ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Chi nhánh bị từ chối cấp Giấy phép thành lập có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ thời điểm Chi nhánh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới cấp Giấy phép thành lập thì Giấy phép thành lập của Chi nhánh đã được cấp trước đây không còn giá trị pháp lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo cấp Giấy phép thành lập cho Chi nhánh của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở mới, Sở Tư pháp nơi Chi nhánh đặt trụ sở cũ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hủy Giấy phép thành lập đã cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sở Tư pháp nơi Chi nhánh đặt trụ sở cũ ra quyết định hủy Giấy đăng ký hoạt động đã cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

3. Trường hợp Chi nhánh của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Chi nhánh thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi Chi nhánh đăng ký hoạt động.

4. Văn phòng đại diện thay đổi tên gọi, Trưởng văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì trong thời hạn 07

ngày kể từ ngày quyết định thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Cấp lại Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, Giấy phép thành lập của văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam

1. Trường hợp Giấy phép thành lập bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam gửi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để được cấp lại.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp lại Giấy phép thành lập cho chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam gửi đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi chi nhánh đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để được cấp lại.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 40 như sau:

“3. Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện chi nhánh, văn phòng đại diện thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập thì thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở. Sở Tư pháp tiến hành xem xét, xác minh.

Trường hợp có căn cứ khẳng định chi nhánh, văn phòng đại diện thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thu hồi Giấy phép thành lập, trong đó nêu rõ lý do kèm theo các giấy tờ chứng minh (nếu có).

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thu hồi Giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam có hiệu lực, Sở Tư pháp nơi chi nhánh đăng ký hoạt động ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 41 như sau:

“2. Trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này thì chậm nhất là 30 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày chấm dứt hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác; thanh lý các hợp đồng lao động; hoàn tất các vụ việc đã nhận đối với chi nhánh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục tại khoản 2 Điều này, chi nhánh, văn phòng đại diện gửi báo cáo qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của chi nhánh, văn phòng đại diện, Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của chi nhánh, văn phòng đại diện; Sở Tư pháp quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.

4. Trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thu hồi Giấy phép thành lập của chi nhánh, văn phòng đại diện có hiệu lực, chi nhánh, văn phòng đại diện thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng lao động, hoàn tất các vụ việc đã nhận đối với chi nhánh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 42 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động hoà giải thương mại tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Cấp, thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại; cấp, thu hồi Giấy phép thành lập của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại; chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài;

b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ về hòa giải thương mại;

c) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hoạt động hòa giải thương mại tại địa phương theo thẩm quyền;

d) Báo cáo Bộ Tư pháp về hoạt động hòa giải thương mại tại địa phương định kỳ hàng năm và khi có yêu cầu;

đ) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.".

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

"2a. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại; đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại; thu hồi Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

b) Đăng ký, lập và xóa tên hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc;

c) Cập nhật, công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, tổ chức hòa giải thương mại trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp, công bố; rà soát, thống kê, báo cáo số liệu về hòa giải viên thương mại hàng năm tại địa phương;

d) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hoạt động hòa giải thương mại tại địa phương theo thẩm quyền;

đ) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư pháp về hoạt động hòa giải thương mại tại địa phương định kỳ hàng năm và khi có yêu cầu;

e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.”.

18. Bãi bỏ khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 42.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

1. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“**Điều 3a. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử**

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến như sau:

a) Khai mẫu đơn, tờ khai trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn; ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu. Việc yêu cầu ký số được công khai trước khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ điện tử. Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ;

b) Đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ hoặc dẫn nguồn tài liệu từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ

chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“**Điều 4. Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên**

1. Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Phá sản muốn hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo Mẫu TP-QTV-01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Thẻ luật sư đối với luật sư; Chứng chỉ kiểm toán viên đối với kiểm toán viên; bằng cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng đối với người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy tờ chứng minh có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực được đào tạo có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng làm việc;

d) 2 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm trong thời hạn không quá sáu (06) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên, trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên yêu cầu cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp.

2. Luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán muốn hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo Mẫu TP-QTV-02 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam đối với luật sư nước ngoài do Bộ Tư pháp cấp; Chứng chỉ kiểm toán viên đối với kiểm toán viên là người nước ngoài do Bộ Tài chính cấp;

c) Bản chính hoặc bản sao điện tử Bản tóm tắt lý lịch (tự khai);

d) 2 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm trong thời hạn không quá sáu (06) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

3. Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đề nghị thường trú hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đề nghị thường trú cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho người đề nghị theo Mẫu TP-QTV-08 ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đề nghị thường trú cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho người đề nghị. Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Người đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đã cấp chứng chỉ hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và nộp lệ phí cấp lại theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho người đề nghị. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho người đề nghị.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đã cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên nếu người đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Phá sản.

2. Khi phát hiện hoặc có căn cứ cho rằng người đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Phá sản thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đã cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên, Sở Tư pháp nơi đã cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên tiến hành xem xét, xác minh, có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của người đó. Người bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên được gửi cho người bị thu hồi chứng chỉ, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân hoặc nơi doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà người bị thu hồi chứng chỉ hành nghề có trụ sở và được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 9 như sau:

"1. Người có chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó thường trú.

2. Người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân gửi giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân theo Mẫu TP-QTV-04 ban hành kèm theo Nghị định này qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi người đó thường trú hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và nộp lệ phí đăng ký hành nghề theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân, trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân yêu cầu cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân theo quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và nộp lệ phí đăng ký hành nghề theo quy định của pháp luật. Hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo Mẫu TP-QTV-05 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp, trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh, những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); chủ doanh nghiệp tư nhân, những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân (nếu có) theo quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 15 như sau:

“1. Khi có thay đổi về địa chỉ giao dịch trong hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thay đổi, Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân gửi văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Quản tài viên đăng ký hành nghề hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của Quản tài viên trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

2. Khi có thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày được bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đăng ký hành nghề hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Trong trường hợp doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bổ sung Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải đăng ký hành nghề cho người được bổ sung. Trình tự, thủ tục đăng ký cho những người được bổ sung vào danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 của Nghị định này.”.

8. Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 1 và sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 24 như sau:

a) Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 1 như sau:

“a1) Cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Rà soát, thống kê và báo cáo số liệu về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương; rà soát, phát hiện các trường hợp thuộc diện thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên tại địa phương theo quy định;”.

9. Thay thế một số biểu mẫu sau đây:

a) Thay thế Mẫu TP-QTV-01 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều

của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản bằng Mẫu TP-QTV-01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thay thế Mẫu TP-QTV-02 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản bằng Mẫu TP-QTV-02 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Thay thế Mẫu TP-QTV-03 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản bằng Mẫu TP-QTV-03 ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Thay thế Mẫu TP-QTV-04 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản bằng Mẫu TP-QTV-04 ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Thay thế Mẫu TP-QTV-05 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản bằng Mẫu TP-QTV-05 ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Thay thế Mẫu TP-QTV-08 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản bằng Mẫu TP-QTV-08 ban hành kèm theo Nghị định này.

10. Bãi bỏ khoản 2 Điều 22.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ

1. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

"**Điều 5a. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử**

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến như sau:

a) Khai mẫu đơn, tờ khai trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn; ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu. Việc yêu cầu

ký số được công khai trước khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ điện tử. Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ;

b) Đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ hoặc dẫn nguồn tài liệu từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:

“1. Người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh phải là luật sư và là thành viên của công ty luật.

Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh thay đổi người đại diện theo pháp luật thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định thay đổi, phải đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là luật sư chủ sở hữu của văn phòng luật sư, công ty luật.

Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi người đại diện theo pháp luật thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định thay đổi, phải gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật;

b) Bản chính hoặc bản sao điện tử văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người dự kiến là đại diện theo pháp luật đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Thẻ luật sư của người dự kiến là đại diện theo pháp luật.

Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Luật Luật sư.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Hồ sơ hợp nhất công ty luật được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi công ty luật hợp nhất đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật;

b) Bản chính hoặc bản sao điện tử Hợp đồng hợp nhất, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị hợp nhất;

c) Dự thảo Điều lệ của công ty luật hợp nhất.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Hồ sơ sáp nhập công ty luật được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi công ty luật sáp nhập đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;

b) Bản chính hoặc bản sao điện tử Hợp đồng sáp nhập công ty luật, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị sáp nhập;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

"2. Hồ sơ chuyển đổi công ty luật được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi công ty luật chuyển đổi đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật được chuyển đổi;

b) Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyển đổi;

c) Bản chính hoặc bản sao điện tử danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi;

d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

"2. Hồ sơ chuyển đổi văn phòng luật sư được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi công ty luật đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của văn phòng luật sư được chuyển đổi;

b) Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyển đổi;

c) Bản chính hoặc bản sao điện tử danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Thẻ luật sư của luật sư chủ sở hữu hoặc các luật sư thành viên của công ty luật chuyển đổi;

d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 như sau:

"1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài thì chi nhánh, công ty luật nước ngoài gửi hồ sơ đăng ký việc thay đổi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi chi nhánh, công ty luật nước ngoài đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.".

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản này thì tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, bao gồm các hồ sơ sau đây:

a) Cấp, cấp lại, thay đổi nội dung, thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam;

b) Cấp, cấp lại, thay đổi nội dung, thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hoà giải thương mại, Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động của Trung tâm hoà giải thương mại, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

c) Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên; đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân, đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

d) Thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh; nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài;

đ) Hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty luật; chuyển đổi văn phòng luật sư; chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, công ty luật nước ngoài.

2. Trường hợp cấp lại, thay đổi, thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm hoà giải thương mại, Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức

hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam do Bộ Tư pháp cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm hoà giải thương mại, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở có thẩm quyền cấp lại, thay đổi, thu hồi Giấy phép thành lập trung tâm hoà giải thương mại, Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam đó theo quy định của Nghị định này.

3. Trường hợp cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên do Bộ Tư pháp cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người được cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên thường trú có thẩm quyền cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đó theo quy định của Nghị định này.

4. Trường hợp hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề luật sư, hợp nhất, sáp nhập công ty luật, chuyển đổi công ty luật, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật, hợp nhất, sáp nhập công ty luật nước ngoài, chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, chuyển đổi công ty luật nước ngoài thành công ty luật Việt Nam, đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Thành Long

Phụ lục
MỘT SỐ BIỂU MẪU
(Kèm theo Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu TP-QTV-01	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên
Mẫu TP-QTV-02	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên
Mẫu TP-QTV-03	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề quản tài viên
Mẫu TP-QTV-04	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
Mẫu TP-QTV-05	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
Mẫu TP-QTV-08	Chứng chỉ hành nghề quản tài viên

Mẫu TP-QTV-01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

Kính gửi:.....

Tôi tên là:..... Giới tính (1): .....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Nơi sinh (2): .....

Nơi thường trú (3):.....

Nơi ở hiện tại (4):.....

Số điện thoại (5):.....

Địa chỉ thư điện tử (6): .....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp (7):...../...../.....

Nơi cấp (8): .....

Dân tộc (9):..... Tôn giáo (10):.....

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Phá sản năm 2014, tôi là:

☐ Luật sư

☐ Kiểm toán viên

☐ Người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có kinh nghiệm 05 năm trở lên về lĩnh vực được đào tạo

Dự kiến đăng ký hành nghề: (11) .....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN (12)

(theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Phá sản năm 2014)

Thời gian (từ ..../.../... đến ... /.../...)	**Chức danh, chức vụ, công việc được giao**	**Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị**	**Ghi chú**

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

(*Ghi rõ hình thức khen thưởng, kỷ luật từ khi tốt nghiệp phổ thông trung học đến nay; trường hợp bị kỷ luật (kể cả đã được xóa kỷ luật) thì ghi rõ lý do kỷ luật và kèm theo quyết định kỷ luật; trường hợp không có khen thưởng, kỷ luật thì ghi rõ là "không*")

Tôi đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Tôi xin cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên gồm có:

1……

2……

3……

4……

5……

……, ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Thông tin số (11): Ghi rõ dự kiến đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân hoặc hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Nếu hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì ghi rõ thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng.

3. Thông tin số (12): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai quá trình hoạt động của bản thân từ khi đủ 18 tuổi đến nay và tương ứng với đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là: luật sư; kiểm toán viên hoặc người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có kinh nghiệm 05 năm trở lên về lĩnh vực được đào tạo và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh quá trình hoạt động của bản thân.

4. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Mẫu TP-QTV-02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

Kính gửi:.....

Tôi tên là:..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... Nơi sinh:.....

Quốc tịch:.....

Nơi ở hiện tại: .....

Số điện thoại:..... Địa chỉ thư điện tử:.....

Số Hộ chiếu:..... Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....

Nơi cấp:.....

Dự kiến đăng ký hành nghề (1): .....

Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam/Chứng chỉ kiểm toán viên số: .....
..... Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....

Đang làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư/doanh nghiệp kiểm toán:

Tên: .....

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại:..... Địa chỉ thư điện tử.....

Tôi đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Tôi xin cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên do pháp luật quy định.

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên gồm có:
1……
2……
3……
4……
5……

……, ngày... tháng... năm...
Người đề nghị
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

Thông tin số (1): Ghi rõ dự kiến đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân hoặc hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Nếu hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì ghi rõ thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng.

Mẫu TP-QTV-03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

Kính gửi:.....

Tôi tên là:..... Giới tính (1): .....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Nơi sinh:.....

Quốc tịch (3): .....

Nơi ở hiện tại (4):.....

Nơi thường trú (5):.....

Số điện thoại (6):.....

Địa chỉ thư điện tử (7): .....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: .....

Ngày, tháng, năm cấp (8):...../...../.....

Nơi cấp (9): .....

Đã được Bộ Tư pháp hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:..... cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số: .....

Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....

Đăng ký hành nghề (10): .....

Lý do xin cấp lại: .....

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét và cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho tôi. Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung ghi trong đơn này.

……, ngày... tháng... năm...
Người đề nghị
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Thông tin số (10): Ghi rõ đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân hoặc hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hoặc chưa đăng ký hành nghề. Nếu hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì ghi rõ thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng và có xác nhận của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản nơi đăng ký hành nghề.

3. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Mẫu TP-QTV-04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN
VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN

Kính gửi:.....

Tôi tên là:..... Giới tính (1):.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:..... cấp ngày, tháng, năm:...../...../.....

Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân với các nội dung sau đây:

1. Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên giao dịch (nếu có): .....

.....

Số điện thoại (2):.....

Địa chỉ thư điện tử (3):.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu (4):.....

Ngày, tháng, năm cấp (5):...../...../.....

Nơi cấp (6): .....

Nơi thường trú (7): .....

Nơi ở hiện tại (8): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

.....

Số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Lĩnh vực hành nghề: Theo quy định của Luật Phá sản.

Tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

……, ngày... tháng... năm...
Người đề nghị
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2),(3), (4), (5), (6), (7), (8):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Mẫu TP-QTV-05

TÊN DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN (1)

Kính gửi:.....

1. Tên gọi đầy đủ của doanh nghiệp: .....

Tên giao dịch: .....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại: .....

Địa chỉ thư điện tử: .....

Website: .....

Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với các nội dung sau đây:

1. Tên doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản *(tên gọi ghi bằng chữ in hoa)*:

.....

Tên giao dịch (nếu có): .....

Tên viết tắt (nếu có): .....

Tên tiếng Anh (nếu có): .....

2. Chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân quản lý, thanh lý tài sản:

Họ và tên:..... Giới tính (2): .....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: .....

Ngày, tháng, năm cấp (3):...../...../.....

Nơi cấp (4): .....

Nơi thường trú (5):.....

.....

Nơi ở hiện tại (6):.....

.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:.....

Ngày, tháng, năm cấp...../...../.....

3. Thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc là Quản tài viên đối với công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản:

a) Họ và tên:..... Giới tính (7): .....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: .....

Ngày, tháng, năm cấp (8):...../…../ .....

Nơi cấp (9): .....

Nơi thường trú (10):.....

.....

Nơi ở hiện tại (11):.....

.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:.....

Ngày, tháng, năm cấp...../...../.....

b) Họ và tên:..... Giới tính (12):.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: .....

Ngày, tháng, năm cấp (13):...../...../.....

Nơi cấp (14): .....

Nơi thường trú (15):.....

.....

Nơi ở hiện tại (16):.....

.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:.....

Ngày, tháng, năm cấp...../...../.....

c) Họ và tên:..... Giới tính (17): .....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:.....

Ngày, tháng, năm cấp (18):...../...../.....

Nơi cấp (19): .....

Nơi thường trú (20):.....

.....

Nơi ở hiện tại (21):.....

.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:.....

Ngày, tháng, năm cấp...../...../.....

4. Danh sách những người hành nghề quản lý, thanh lý tài sản khác trong doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh (nếu có):

STT	**Họ tên**	**Năm sinh**	**Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên** *(ghi rõ số, ngày cấp)*	**Địa chỉ, số điện thoại liên hệ**

5. Lĩnh vực hành nghề: Theo quy định của Luật Phá sản.

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

……, ngày... tháng... năm...
Chữ ký/chữ ký số ghi rõ họ tên, đóng dấu

Ghi chú:

1. Thông tin số (1): Mẫu này cũng được áp dụng cho trường hợp doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thay đổi thành viên hợp danh quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.

2. Các thông tin số (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20), (21):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

3. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Mẫu TP-QTV-08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Tuân theo Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Quản tài viên.
3. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ, tính trung thực, minh bạch, khách quan.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động hành nghề.

Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN
Số: /TP/QTV-CCHN

Ảnh 3x4

Cấp cho ông (bà): ……

Ngày, tháng, năm sinh:……

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/ Số Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú: ……

Chữ ký

……, ngày… tháng… năm…
CHỦ TỊCH
(Ký, họ tên, đóng dấu)